

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho Quý 4 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán	2 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9– 22

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93,744,046,780	77,850,131,763
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,305,668,663	5,505,249,071
1. Tiền	111		4,305,668,663	5,505,249,071
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56,800,104,865	51,305,685,450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		51,906,159,338	49,867,244,212
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4,330,945,527	1,335,617,723
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		563,000,000	102,823,515
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		14,997,890,824	4,153,548,855
1. Hàng tồn kho	141		14,997,890,824	4,153,548,855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17,640,382,428	16,885,648,387
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		320,458,774	122,086,247
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		268,633,864	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17,051,289,790	16,763,562,140
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60,993,492,317	42,464,620,535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43,479,425	43,479,425
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
6. Phải thu dài hạn khác	216		43,479,425	43,479,425
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		38,705,268,068	34,175,913,668
1. Tài sản cố định hữu hình	221		38,705,268,068	34,175,913,668
- Nguyên giá	222		67,395,419,310	57,012,890,741
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28,690,151,242)	(22,836,977,073)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5,436,159,282	1,610,169,837
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,436,159,282	1,610,169,837
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		750,000,000	200,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750,000,000	200,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16,058,585,542	6,435,057,605
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16,058,585,542	6,435,057,605
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		154,737,539,097	120,314,752,298
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		90,299,990,981	66,423,849,288
I. Nợ ngắn hạn	310		81,737,808,206	58,947,169,713
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		22,979,020,654	30,343,211,431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2,529,016,025	523,872,600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2,793,408,703	2,138,613,998
4. Phải trả người lao động	314		1,207,027,716	1,237,447,478

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		136,999,995	95,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		9,885,920,311	357,882,509
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		42,206,414,802	24,251,141,697
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		8,562,182,775	7,476,679,575
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		8,562,182,775	7,476,679,575
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64,437,548,116	53,890,903,010
I. Vốn chủ sở hữu	410		64,437,548,116	53,890,903,010
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45,000,000,000	45,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45,000,000,000	45,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19,437,548,116	8,890,903,010
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4,362,078,792	5,750,940,153
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15,075,469,324	3,139,962,857
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		154,737,539,097	120,314,752,298

Người lập biểu



Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 16 tháng 01 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	39,837,955,163	46,153,988,887	156,056,099,833	125,232,695,017
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			1,221,572,262	0	1,221,572,262
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39,837,955,163	44,932,416,625	156,056,099,833	124,011,122,755
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	34,055,003,191	39,704,936,515	135,229,883,427	106,688,796,971
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,782,951,972	5,227,480,110	20,826,216,406	17,322,325,784
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	47,737,680	1,086,892	128,983,175	5,973,052
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1,143,307,014	734,667,236	3,972,095,287	2,784,344,677
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23			734,667,236		
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	971,490,066	782,859,574	4,688,881,687	4,433,157,278
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	953,487,691	2,305,082,232	4,183,454,045	5,495,252,618
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,762,404,881	1,405,957,960	8,110,768,562	4,615,544,263
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	3,341,013	6,502,401	4,330,911,776	6,502,401
12.	Chi phí khác	32	VI.06	1,126,036	173,124,901	3,460,314,218	289,937,682
13.	Lợi nhuận khác	40		2,214,977	-166,622,500	870,597,558	-283,435,281
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,764,619,858	1,239,335,460	8,981,366,120	4,332,108,982
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	624,063,872	573,591,421	1,867,413,124	1,192,146,125
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2,140,555,986	665,744,039	7,113,952,996	3,139,962,857
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	476	148	1,581	698
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	476	148	1,581	698

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 16 tháng 01 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		196,851,073,027	123,467,222,754
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(160,016,330,310)	(92,465,560,256)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19,337,756,964)	(13,284,543,602)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3,472,095,287)	(2,778,423,963)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1,196,282,571)	(1,688,793,417)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,148,520,291	1,050,388,243
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(28,270,229,376)	(2,195,263,949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14,293,101,190)	12,105,025,810
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,992,255,523)	(16,207,003,954)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			127,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(1,125,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			1,125,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(200,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3,920,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			5,973,052
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1,072,255,523)	(16,273,758,175)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		111,304,836,490	81,940,098,770
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(92,864,060,185)	(76,965,389,844)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,275,000,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14,165,776,305	4,974,708,926

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1,199,580,408)	805,976,561
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,505,249,071	4,699,272,510
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		4,305,668,663	5,505,249,071

Người lập biểu



Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 16 tháng 01 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/12/2017
- Công ty TNHH Sản xuất Gạch Khang Minh	Thôn Tân Lâm, trị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản đầu tư tài chính

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.190.343.890	640.182.059
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.115.324.773	4.865.067.012
Cộng	4.305.668.663	5.505.249.071

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con			22.394.183.172	-	22.394.183.172			-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh	100	100	22.394.183.172	-	22.394.183.172			-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			750.000.000	-	750.000.000			200.000.000	-	200.000.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh	15	15	750.000.000	-	750.000.000	15	15	200.000.000	-	200.000.000
Cộng			23.144.183.172		23.144.183.172			200.000.000	-	200.000.000

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con và đơn vị khác trong kỳ:

Từ 01/01/2017
đến 31/12/2017

Góp vốn đầu tư

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh 750.000.000

Chi phí vận chuyển

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh 8.960.755.559

Chi phí hạ hàng

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh 92.600.000

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Phải thu của khách hàng

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	51.906.159.338	49.867.244.212
<i>b. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	4.330.945.527	1.335.617.723
Tổng	56.237.104.865	51.202.861.935

Đơn vị tính: VND

04. Các khoản phải thu khác

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<i>a. Ngắn hạn</i>	563.000.000	-	102.823.515	-
- Tạm ứng		-	101.759.879	-
- Phải thu khác	563.000.000	-	1.063.636	-
		-		-
<i>b. Dài hạn</i>	43.479.425	-	43.479.425	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	43.479.425	-	43.479.425	-
Cộng	606.479.425	-	146.302.940	-

05. Hàng tồn kho

	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	4.532.798.917	-	1.771.239.479	-
- Công cụ, dụng cụ	356.025.624	-	44.317.468	-
- Thành phẩm	10.109.066.283	-	2.338.991.908	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	14.997.890.824	-	4.154.548.855	-

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Bãi dưỡng gạch		1.610.169.837
- Trạm cân	162.061.813	
- Mua BĐS (văn phòng đại diện tại Hà Nội- chưa hoàn thiện bàn giao)	5.274.097.469	
Cộng	5.436.159.282	1.610.169.837

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.138.403.005</i>	<i>34.282.678.650</i>	<i>7.995.818.177</i>	<i>847.772.727</i>	<i>748.218.182</i>	<i>57.012.890.741</i>
- Mua trong kỳ		6.190.100.000	810.000.000			7.000.100.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác	3.203.394.522	565.000.000				3.768.394.522
- Tăng do hợp nhất Công ty con	2.779.012.047	7.163.628.074	1.420.000.000	82.188.475		11.444.828.596
- Thanh lý, nhượng bán	-	10.396.250.004	- 1.420.000.000	- 14.544.545	-	11.830.794.549
- Giảm khác						-
<i>Số dư cuối Quý 4/2017</i>	<i>19.120.809.574</i>	<i>37.805.156.720</i>	<i>8.805.818.177</i>	<i>915.416.657</i>	<i>748.218.182</i>	<i>67.395.419.310</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>6.741.131.957</i>	<i>13.649.077.904</i>	<i>1.704.289.486</i>	<i>133.863.631</i>	<i>608.614.095</i>	<i>22.836.977.073</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.420.163.839	4.436.985.229	1.237.540.816	113.840.904	85.732.292	7.294.263.081
- Tăng khác						-
- Tăng do hợp nhất Công ty con	1.365.757.367				26.881.721	1.392.639.088
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.833.728.000			-	2.833.728.000
- Giảm khác						-
<i>Số dư cuối Quý 4/2017</i>	<i>9.527.053.163</i>	<i>15.252.335.133</i>	<i>2.941.830.302</i>	<i>247.704.535</i>	<i>721.228.108</i>	<i>28.690.151.242</i>
III. Giá trị còn lại	9.593.756.411	22.552.821.587	5.863.987.875	667.712.122	26.990.074	38.705.268.068
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>6.397.271.048</i>	<i>20.633.600.751</i>	<i>6.291.528.686</i>	<i>713.909.096</i>	<i>139.604.087</i>	<i>34.175.913.668</i>
<i>2. Tại ngày cuối Quý 4/2017</i>	<i>9.593.756.411</i>	<i>22.552.821.587</i>	<i>5.863.987.875</i>	<i>667.712.122</i>	<i>26.990.074</i>	<i>38.705.268.068</i>

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	320.458.774	122.086.247
- Chi phí trả trước về thuê văn phòng		51.377.905
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	320.458.774	70.708.342
1. Dài hạn	16.058.585.542	6.435.057.605
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.879.965.327	3.620.116.638
- Chi phí san lấp mặt bằng	13.175.286.889	2.796.607.638
- Các khoản khác	3.333.326	18.333.329
Cộng	16.379.044.316	6.557.143.852

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017		Số trong kỳ		31/12/2017	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
a. Vay ngắn hạn	24.251.141.697	24.251.141.697	104.394.317.290	86.439.044.185	42.206.414.802	42.206.414.802
- Vay ngân hàng	24.251.141.697	24.251.141.697	104.394.317.290	86.439.044.185	42.206.414.802	42.206.414.802
+ Ngân hàng hợp tác	10.267.051.829	10.267.051.829	16.385.837.568	17.656.100.857	8.996.788.540	8.996.788.540
+ Ngân hàng MB	13.067.589.868	13.067.589.868	88.008.479.722	67.866.443.328	33.209.626.262	33.209.626.262
+ Ngân hàng VP Bank	916.500.000	916.500.000		916.500.000	0	
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	6.260.519.200	5.175.016.000	8.562.182.775	8.562.182.775
- Vay ngân hàng	7.476.679.575	7.476.679.575	6.260.519.200	5.175.016.000	8.562.182.775	8.562.182.775
+ Ngân hàng hợp tác	4.071.550.000	4.071.550.000		2.707.760.000	1.363.790.000	1.363.790.000
+ Ngân hàng MB	3.405.129.575	3.405.129.575	6.260.519.200	2.467.256.000	7.198.392.775	7.198.392.775
Cộng	31.727.821.272	31.727.821.272	110.654.836.490	91.614.060.185	50.768.597.577	50.768.597.577

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số có khả		Số có khả	
	Giá trị	năng trả nợ	Giá trị	năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	22.979.020.654	22.841.779.256	30.343.211.431	30.343.211.431
b. Người mua trả tiền trước	2.529.016.025	2.529.016.025	523.872.600	523.872.600
Cộng	25.508.036.679	25.370.795.281	30.867.084.031	30.867.084.031

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra		946.467.873	2.518.629.665	2.737.379.447		727.718.091
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu			256531650	256531650		0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.196.282.571	1.867.413.124	1.196.282.571		1.867.413.124
- Thuế thu nhập cá nhân	3.332.852		249.863.057	48.252.717		198.277.488
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.760.229.288		211.493.808		16.548.735.480	
- Phí, lệ phí và các khoản khác			3.000.000	3.000.000		0
Cộng	16.763.562.140	2.142.750.444	5.106.931.304	4.241.446.385	16.548.735.480	2.793.408.703

12. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		95.000.000
- Trích trước chi phí thuê văn phòng	282.578.241	
- Trích trước chi phí khác		95.000.000
b. Dài hạn		
Cộng	282.578.241	95.000.000

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	9.885.920.311	357.882.509
- Kinh phí công đoàn	267.130.662	181.824.553
- Bảo hiểm xã hội	118.789.649	176.057.956
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	9.500.000.000	
Ông Đặng Việt Lê - Chủ tịch HĐQT		
b. Dài hạn		
Cộng	9.885.920.311	357.882.509

(*) Khoản mượn tiền để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh không tính lãi.

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	5.750.940.153	50.750.940.153
Tăng vốn trong năm trước			
Lãi trong năm trước		3.139.962.857	3.139.962.857
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	8.890.903.010	53.890.903.010
Số dư đầu năm nay			
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	15.046.645.106	15.046.645.106
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	19.437.548.116	64.437.548.116

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2017	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Đặng Việt Lê	15.000.000.000	33%	15.000.000.000	33%
- Ông Phạm Quang Anh	-	0%	-	0%
- Ông Lê Hoài An	1.500.000.000	3%	1.500.000.000	3%
- Cổ đông khác	28.500.000.000	64%	28.500.000.000	64%
Cộng	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm		-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.500.000.000	4.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm này	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016</u>
Doanh thu bán thành phẩm	156.056.099.833	125.232.695.017
Cộng	156.056.099.833	125.232.695.017

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	135.229.883.427	106.688.796.971
Cộng	135.229.883.427	106.688.796.971

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	128.983.175	5.973.052
Cộng	128.983.175	4.886.160

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
- Lãi tiền vay	3.972.095.287	2.784.344.677
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Chi phí tài chính khác		-
Cộng	3.972.095.287	2.784.344.677

05. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		115.946.201
- Lãi nộp chậm bảo hiểm	43.000.307	866.580
- Phạt chậm nộp thuế	11.179.132	-
Cộng	54.179.439	116.812.781

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>4.183.454.045</i>	<i>5.495.252.618</i>
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>4.688.881.687</i>	<i>4.433.157.278</i>
Cộng	8.872.335.732	9.928.409.896

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.867.413.124	1.192.146.125
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.867.413.124	1.192.146.125

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	7.113.952.996	3.139.962.857
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.113.952.996	3.139.962.857

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.581	698

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.386.450.106	59.909.719.295
- Chi phí nhân công	19.575.874.976	14.699.429.115
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.164.335.221	6.514.145.031
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.197.384.129	3.337.756.826
- Chi phí khác bằng tiền	3.018.731.809	2.312.861.154
Cộng	111.342.776.241	86.773.911.421

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Hội đồng quản trị	
Mượn tiền	9.500.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
+ Phải trả khác (Ông Đặng Việt Lê)	9.500.000.000	-
Cộng nợ phải trả	9.500.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	1.424.562.676	1.033.808.156
Cộng	1.424.562.676	1.033.808.156

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Người lập biểu



Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 16 tháng 01 năm 2018

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

